

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TUY HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 25 /2017/DS – ST

Ngày: 20/7/2017

*Về việc “tranh chấp về tài sản chung
và thừa kế tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Hiếu;
2. Bà Võ Thị Hồng Trà;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2016 về “tranh chấp về tài sản chung và thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐST – DS ngày 15/5/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Bùi Thị C – sinh năm 1947; Trú tại: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Có mặt.

2/Bị đơn: Ông Lưu Phước L – sinh năm 1979; HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọc Lâm, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ông Lưu Phước T – sinh năm 1974; HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn Xuân Hòa, xã Hòa Kiến, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

-Ông Lưu Phước H – sinh năm 1976; HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 107B/555 Trần Hưng Đạo, phường 6, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

-Ông Lưu Phước Ln – sinh năm 1981; HKTT và chỗ ở: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Có mặt.

-Ông Lưu Phước S – sinh năm 1984; HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: số 226 Hồ Văn Cống, phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông S vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lưu Phước Ln.

-Bà Lưu Thị Tố LN – sinh năm 1982; HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Bà LN vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lưu Phước Ln.

-Anh Lưu Trọng NH – sinh năm 1994 (con trai của ông Lưu Phước Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Kim Th); HKTT: 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên; Vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lưu Phước Ln.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2016, và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị C trình bày:

Vợ chồng bà Bùi Thị C, ông Lưu Phước M (chết ngày 21/3/2015) trong thời kỳ hôn nhân tạo dựng được khối tài sản là căn nhà cấp 4 và đất tọa lạc tại 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 991634, số vào sổ cấp GCN: CH 00768 do UBND Thành phố Tuy Hòa cấp ngày 01/8/2011) có diện tích 100,7m² loại đất ở (thửa đất số 129, tờ bản đồ 15).

Vợ chồng bà C, ông M sinh được 07 người con là Lưu Phước T, Lưu Phước H, Lưu Phước L, Lưu Phước S, Lưu Phước Ln, Lưu Thị Tố LN, Lưu Phước Đ (chết) có 01 con trai tên Lưu Trọng NH.

Bà C khởi kiện yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng trong đó bà nhận ½ khối tài sản chung này, còn ½ tài sản (di sản của ông Mỹ) chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận khối tài sản trên và thanh toán kỹ phần thừa kế cho các con theo quy định của pháp luật.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2016, bị đơn Lưu Phước L thống nhất về diện, hàng thừa kế và di sản của ông Lưu Phước M để lại. Ông L không chấp nhận cho bà C được trọn quyền sở hữu nhà đất tại số 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên do lúc ông M còn sống thì gia đình có hợp thống nhất viết giấy tay cho ông Lưu Phước S 01 gian nhà ở địa chỉ trên để sau này ông S hương khói cho cha mẹ, còn lại 01 gian cha mẹ ở, đến ngày 23/3/2015, ông M chết, bà C có ý định bán gian nhà còn lại này cho ông Lưu Phước Ln nên ông thấy rằng việc bà C bán nhà cho em trai ông là không thỏa đáng. Bà C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha ông để lại thì ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Phước Ln, Lưu Phước T, Lưu Phước H, Lưu Thị Tố LN, Lưu Phước S và Lưu Trọng NH đều thống nhất giao cho bà C được trọn quyền sở hữu tài sản là căn nhà và đất ở

102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đối với kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng theo quy định của pháp luật thì họ không yêu cầu bà C phải thanh toán kỷ phần thừa kế lại cho họ.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt gồm Lưu Phước T, Lưu Phước Ln giữ nguyên ý kiến.

Về chi phí định giá tài sản: Ông Ln tự nguyện chịu tiền chi phí định giá tài sản.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên có vi phạm Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành pháp luật thì phải chịu hậu quả pháp lý.

+Về nội dung vụ án: Các đương sự đều thống nhất nhà và đất tại 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa là tài sản chung của bà C và ông M, ông M chết không để lại di chúc nên di sản của ông M sẽ được chia theo pháp luật, bà C yêu cầu nhận toàn bộ tài sản chung và thanh toán kỷ phần thừa kế cho các con là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự (trừ bị đơn) đều thống nhất giao cho bà C hưởng kỷ phần thừa kế nên bà C chỉ phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho bị đơn Lưu Phước L số tiền 17.941.612đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: xét thấy bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; Tại phiên tòa, bị đơn Lưu Phước L đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lưu Phước H, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, Lưu Thị Tố LN, Lưu Phước S, Lưu Trọng NH vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho Lưu Phước Ln, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế đối với tài sản là căn nhà cấp 4 và đất tọa lạc tại 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 991634, số vào sổ cấp GCN: CH 00768 do UBND Thành phố Tuy Hòa cấp ngày 01/8/2011) có diện tích 100,7m² loại đất ở (thửa đất số 129, tờ bản đồ 15); do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp về tài sản chung và thừa kế tài sản”.

[3]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Bà Bùi Thị C và ông Lưu Phước M (chết ngày 21/3/2015) là vợ chồng, sinh được 07 người con là Lưu Phước T, Lưu Phước H, Lưu Phước L, Lưu Phước S, Lưu Phước Ln, Lưu Thị Tố LN, Lưu Phước Đồng (chết) có 01 con trai tên Lưu Trọng NH.

[3.2] Về tài sản tranh chấp:

Trong thời kỳ hôn NH, bà C và ông M tạo lập được tài sản hiện đang có tranh chấp là căn nhà cấp 4 và đất tọa lạc tại 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Tất cả các đương sự (kể cả bị đơn) đều thống nhất tài sản này thuộc sở hữu của bà C và ông M.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 991634, số vào sổ cấp GCN: CH 00768 do UBND Thành phố Tuy Hòa cấp ngày 01/8/2011 cho ông Lưu Phước M, bà Bùi Thị C có diện tích 100,7m² loại đất ở (thửa đất số 129, tờ bản đồ 15). Theo trích đo hiện trạng địa chính khu đất do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Yên lập ngày 02/11/2016 thì diện tích nhà và đất nói trên là 122,2m². Theo Công văn số 30/UBND ngày 16/5/2017 của UBND phường 5, Thành phố Tuy Hòa thì “Diện tích hiện trạng tăng so với giấy chứng nhận đã được cấp 21,5m² là do trong quá trình sử dụng ông Lưu Phước M, bà Bùi Thị C lấn đất của đường hẻm để sử dụng”. Do đó, tài sản thuộc sở hữu chung của ông Lưu Phước M, bà Bùi Thị C là nhà và đất ở địa chỉ nêu trên có diện tích là 100,7m².

Đối với ý kiến của bị đơn Lưu Phước L nội dung lúc ông M còn sống có viết giấy tay cho ông Lưu Phước S 01 gian nhà tại địa chỉ trên để sau này ông S hương khói cho cha mẹ còn 01 gian cha mẹ ở nhưng bản thân ông S có bản trình bày nội dung “nguyên cha mẹ lập nghiệp có tạo dựng ngôi nhà cấp 4 khoảng 100m². Nay ba tôi mất, ngôi nhà được chia đôi, ba tôi một nửa, mẹ tôi một nửa. Tôi được thừa kế phần tài sản của ba tôi để lại, nay tôi tặng lại phần tài sản đó cho mẹ tôi là bà Bùi Thị C”, do đó Hội đồng xét xử xác định việc bà C yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng trong đó bà nhận $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung này là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về di sản của ông Lưu Phước M: Ông M chết không để lại di chúc do đó phần di sản của ông là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất nói trên được chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà C yêu cầu được nhận khối di sản trên và thanh toán kỹ phần thừa kế cho các con theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 633, 634, 635, 674, 675, 676, 677 BLDS 2005.

[3.4] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C:

+ Bà C được sở hữu $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất tọa lạc tại số 102/11 Lê Lợi, phường 5, T phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên trị giá 287.065.800đ/2 = 143.532.900đ.

+ Phần di sản của ông M = $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất tọa lạc tại số 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên trị giá = 143.532.900đ được chia cho 08 kỹ phần gồm bà C, 07 người con (ông L, ông T, ông Ln, ông S, ông H, bà LN, ông Đồng (chết) có con là Lưu Trọng NH), mỗi kỹ phần trị giá 17.941.612đ. Các con cháu (trừ ông L) đều có ý kiến thống nhất giao cho bà C

được sở hữu kỹ phần thừa kế mà họ được hưởng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà C được sở hữu phần di sản của ông Mỹ là $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất nói trên.

Như vậy bà C được sở hữu toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên và có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Lưu Phước L số tiền 17.941.612đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm mười hai đồng).

[4]Về chi phí định giá tài sản: Ông Ln tự nguyện chịu, bà C đã nộp tạm ứng 3.500.000đ nên ông L hoàn trả lại cho bà C.

[5]Về án phí: Đối với vụ án trên được thụ lý từ ngày 27/6/2016 nên các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Bà C chịu án phí trên giá trị tài sản được nhận ($143.532.900đ + 7/8$ di sản là 125.591.287đ) $\Rightarrow$ Tổng cộng = 269.124.188đ x 5% = 13.456.209đ. Ông L phải chịu án phí trên giá trị tài sản được nhận 17.941.612đ. x 5% = 897.081đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]Áp dụng các Điều 631, 633, 634, 652, 657, 661, 675, 676, 677, 685, 733, 734 BLDS 2005.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Thị C, bà C được sở hữu toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 102/11 Lê Lợi, phường 5, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên Yên (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 991634, số vào sổ cấp GCN: CH 00768 do UBND Thành phố Tuy Hòa cấp ngày 01/8/2011).

Bà C có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông Lưu Phước L số tiền 17.941.612đ (mười bảy triệu chín trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Đối với các ông bà Lưu Phước T, Lưu Phước S, Lưu Phước H, Lưu Phước Ln, Lưu Thị Tố LN, Lưu Trọng NH đã thống nhất giao kỹ phần thừa kế của mình cho bà C nên bà C không phải thanh toán kỹ phần thừa kế cho họ.

[2]Về chi phí định giá tài sản 3.500.000đ, bà C đã nộp tạm ứng nhưng ông Ln tự nguyện chịu nên ông Ln trả lại cho bà C số tiền này.

[3]Án phí: Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.456.209đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm lẻ chín đồng), được khấu trừ 3.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 001670 ngày 23/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa nên còn phải nộp 10.456.209đ (mười triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm lẻ chín đồng).

Ông Lưu Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 897.081đ (tám trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám mươi một đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND TP Tuy Hòa
- Các đương sự
- Chi cục THADS Tp Tuy Hòa
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Hà